

Trường Cao Đẳng Công Thương TP.HCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học Kỳ 2 - Năm Học 2023-2024

Môn học/Nhóm
CBGD

Giáo dục quốc phòng và an ninh - CCQ2319A
Trương Xuân Hùng

Số tín chỉ: 5

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3	BP. 4	BP. 5	ĐQT	Ghi chú
1	2123190027	Đoàn Tuấn	Anh	18/11/2005	CCQ2319A	6.3	7.0	10	8	9	8.2	
2	2123190059	Trương Thị Ngọc	Bích	05/09/2005	CCQ2319B	7.3	7.7	9	8.7	9	8.3	
3	2123190010	Nguyễn Thị Ánh	Cúc	20/09/2004	CCQ2319A	7.3	8.3	9	8	9	8.4	
4	2123190056	Nguyễn Thị Kim	Cúc	22/09/2005	CCQ2319B	0.0	0.0	0	0	0	0.0	
5	2123190038	Nguyễn Lê	Đại	24/02/2005	CCQ2319B	5.3	7.3	5	8.3	9	7.5	
6	2123190052	Phan Thị	Hà	15/04/2001	CCQ2319B	8.0	7.3	10	5	10	6.9	
7	2123190081	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	04/12/2004	CCQ2319A	7.7	7.7	9	5	9	7.5	
8	2123190065	Lê Thị	Hào	13/09/2005	CCQ2319B	0.0	0.0	0	0	0	0.0	
9	2123190066	Trương Ngọc	Hậu	04/01/2005	CCQ2319B	6.0	8.0	9	4	9	7.0	
10	2123190058	Lê Thị Thanh	Hiếu	11/07/2005	CCQ2319B	7.0	5.3	6	7.3	9	7.3	
11	2123190005	Nguyễn Y	Hoàng	16/04/2002	CCQ2319A	5.7	6.0	6	7.7	9	7.3	
12	2123100143	Trương Ngọc Minh	Hương	13/09/2005	CCQ2319A	8.0	7.3	7	9	9	8.3	
13	2123190031	Ngô Khánh	Huyền	17/08/2005	CCQ2319A	7.0	7.7	9	9	9	8.5	
14	2123190012	Hoàng Văn	Khoa	02/09/2004	CCQ2319A	6.3	0.0	5	8	9	6.5	
15	2123190041	Võ Thị Ngọc	Kiều	21/05/2005	CCQ2319B	0.0	0.0	0	0	0	0.0	
16	2123190015	Dương Thị Diệu	Linh	26/03/2005	CCQ2319A	9.0	6.3	6	7.7	9	7.8	
17	2123190051	Huỳnh Thị Kim	Lộc	14/01/2005	CCQ2319B	6.0	7.3	8	9.7	9	8.4	
18	2123190028	Nguyễn Văn	Mạnh	26/04/2005	CCQ2319A	0.0	7.7	5	4	9	5.5	
19	2123190025	Thiên Nữ	Minh	10/09/2005	CCQ2319A	7.0	7.3	9	4	9	7.0	
20	2123190021	Lê Thị Trà	My	26/01/2005	CCQ2319A	6.7	7.0	8	9	9	8.2	
21	2123190053	Nguyễn Kiều	My	18/12/2005	CCQ2319B	7.0	5.0	9	4	9	6.7	
22	2123190122	Đặng Thị	Nga	06/03/2001	CCQ2319A	0.0	0.0	0	0	0	0.0	
23	2123190035	Võ Thị Thanh	Nga	16/03/2005	CCQ2319A	7.3	5.7	8	8.7	10	8.3	
24	2123190113	Huỳnh Lâm Thanh	Ngân	27/06/2005	CCQ2319A	8.3	7.3	7	7.3	9	7.9	
25	2123190120	Huỳnh Nguyễn Thảo	Ngân	20/10/2004	CCQ2319B	8.0	8.7	7	7.3	9	8.0	
26	2123190064	Lê Hồng	Ngân	23/03/2005	CCQ2319B	6.3	4.7	6	6.3	9	6.8	
27	2123190057	Nguyễn Thị Bích	Ngân	02/01/2005	CCQ2319B	0.0	6.3	6	8	9	6.6	
28	2123190036	Phạm Thị Tuyết	Ngân	25/08/2005	CCQ2319B	7.7	5.7	6	9.3	9	8.0	
29	2123190018	Ngô Nguyễn Hoàng	Nguyễn	11/09/2005	CCQ2319A	6.7	5.7	6	7.3	9	7.3	
30	2123190029	Ngô Lê Uyên	Nhi	07/04/2005	CCQ2319A	8.0	6.7	6	5	10	7.2	
31	2123190069	Phạm Yến	Nhi	02/12/2004	CCQ2319B	7.0	6.0	6	8.7	9	7.8	
32	2123190033	Dương Thị Tuyết	Như	23/08/2006	CCQ2319A	6.0	6.7	6	7.3	9	7.3	
33	2123190040	Lê Hoàng Yến	Như	25/06/2005	CCQ2319B	8.3	7.3	7	7.7	9	8.0	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3	BP. 4	BP. 5	ĐQT	Ghi chú
34	2123190119	Bùi Thị Hồng	Nhuận	29/12/2003	CCQ2319A	8.7	7.7	7	4	9	7.0	
35	2123190042	Trần Thị Hồng	Nhung	28/09/2005	CCQ2319B	0.0	8.0	8	9	9	7.4	
36	2123190062	Phạm Thị Ngọc	Nữ	16/12/2005	CCQ2319B	8.3	7.0	7	5	9	7.2	
37	2123190043	Phạm Thị Mỹ	Phụng	02/10/2005	CCQ2319B	0.0	8.7	8	9.7	9	7.7	
38	2123190032	Từ Nữ Bích	Phượng	10/10/2004	CCQ2319A	6.7	8.0	8	8	9	8.1	
39	2123190067	Đỗ Hàn Uyên	Phượng	19/02/2004	CCQ2319B	8.0	0.0	7	10	9	7.6	
40	2123190049	Lê Thị Long	Phượng	08/09/2005	CCQ2319B	7.7	7.7	9	9	10	8.9	
41	2123190008	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	14/10/2004	CCQ2319A	8.0	8.0	9	4	9	7.3	
42	2123190060	Bùi Thị Thảo	Sương	17/08/2005	CCQ2319B	7.7	8.3	10	9.7	10	9.3	
43	2123190004	Trần Duy	Tân	25/09/2000	CCQ2319A	0.0	0.0	0	0	0	0.0	
44	2123190109	Huỳnh Ngọc Anh	Thư	08/08/2005	CCQ2319A	0.0	0.0	0	0	0	0.0	
45	2123190115	Nguyễn Lê Minh	Thư	24/05/2005	CCQ2319B	5.3	5.3	6	8.3	9	7.3	
46	2123190112	Lê Thị	Thương	06/07/2005	CCQ2319B	0.0	5.7	6	9	9	6.8	
47	2123190102	Nguyễn Hoài	Thương	23/05/2005	CCQ2319B	7.7	4.3	7	6.7	9	7.2	
48	2123190037	Thanh Thị Thái	Thương	20/08/2005	CCQ2319B	7.3	7.0	8	7.7	9	8.0	
49	2123190047	Đào Thị Thu	Thủy	03/07/2005	CCQ2319B	7.7	7.3	8	9.3	9	8.5	
50	2123190111	Nguyễn Thanh	Thủy	06/11/2005	CCQ2319B	3.7	4.3	6	4	9	5.7	
51	2123190114	Trần Thị Thanh	Thủy	09/12/2005	CCQ2319B	0.0	0.0	0	0	0	0.0	
52	2123190023	Sư Thị Kim	Tiên	27/10/2005	CCQ2319A	7.7	5.7	6	9	9	7.9	
53	2123190070	Lê Nguyễn Hương	Trà	15/01/2005	CCQ2319B	8.0	7.7	8	7.7	9	8.2	
54	2123190024	Ngô Thị	Trà	19/11/2005	CCQ2319A	7.3	5.7	6	7.7	9	7.5	
55	2123190039	Trịnh Thị Ngọc	Trâm	01/10/2005	CCQ2319B	7.3	8.0	8	4	9	7.0	
56	2123190011	Trần Huyền	Trân	07/07/2004	CCQ2319A	5.3	6.0	6	8.7	9	7.5	
57	2123190034	Phan Thị Huyền	Trang	08/09/2005	CCQ2319A	7.7	7.7	9	9.3	9	8.7	
58	2123190017	Nguyễn Văn	Triền	15/01/2004	CCQ2319A	7.7	7.7	5	5	9	6.9	
59	2123190050	Nguyễn Lê Anh	Trúc	30/12/2005	CCQ2319B	7.7	8.3	8	4	9	7.1	
60	2123190016	Phạm Thanh	Trúc	07/01/2005	CCQ2319A	6.3	7.0	6	9.3	9	8.0	
61	2123190063	Trần Minh	Trung	11/01/2005	CCQ2319B	7.3	6.3	7	8	10	8.1	
62	2123190009	Nguyễn Lam	Trưởng	24/05/2005	CCQ2319A	4.7	5.3	5	8.3	10	7.4	
63	2123190061	Bùi Thị Ngọc	Tú	04/07/2005	CCQ2319B	0.0	0.0	0	0	0	0.0	
64	2123190019	Trịnh Thị Kim	Tuyền	05/09/2005	CCQ2319A	6.0	7.0	6	8.7	9	7.8	
65	2123190026	Lâm Ngọc	Tuyền	06/12/2005	CCQ2319A	5.3	6.3	6	9	9	7.7	
66	2123190046	Đặng Nữ Ngọc	Út	16/05/2005	CCQ2319B	7.3	8.3	8	5.7	9	7.6	
67	2123190048	Đoàn Thị Thu	Vân	06/06/2005	CCQ2319B	7.0	5.7	7	7.7	9	7.6	
68	2123190054	Nguyễn Thị Khánh	Vân	04/12/2005	CCQ2319B	6.0	6.7	9	8.7	9	8.2	
69	2123190013	Nguyễn Thị Thảo	Vi	19/02/2005	CCQ2319A	6.3	7.0	6	7.3	9	7.4	
70	2123190020	Vũ Ngọc Thảo	Vy	07/06/2005	CCQ2319A	6.3	6.3	6	9	9	7.8	
71	2123190044	Huỳnh Thị Kim	Yên	05/01/2005	CCQ2319B	8.3	7.7	7	9	9	8.4	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3	BP. 4	BP. 5	ĐQT	Ghi chú
-----	-------	-----------	-----------	---------	-------	-------	-------	-------	-------	-----	---------

GIẢNG VIÊN

Trương Xuân Hùng

Trường Cao Đẳng Công Thương TP.HCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC - HỌC PHẦN
Học Kỳ 2 - Năm Học 2023-2024

Môn học/Nhóm Giáo dục quốc phòng và an ninh - CCQ2319A
CBGD Trương Xuân Hùng

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm môn học/học phần
1	2123190027	Đoàn Tuấn	Anh	18/11/2005	CCQ2319A	8.2	7.2	7.6
2	2123190059	Trương Thị Ngọc	Bích	05/09/2005	CCQ2319B	8.3	6.6	7.3
3	2123190010	Nguyễn Thị Anh	Cúc	20/09/2004	CCQ2319A	8.4	7.0	7.6
4	2123190056	Nguyễn Thị Kim	Cúc	22/09/2005	CCQ2319B	0.0	0.0	0.0
5	2123190038	Nguyễn Lê	Đại	24/02/2005	CCQ2319B	7.5	6.2	6.7
6	2123190052	Phan Thị	Hà	15/04/2001	CCQ2319B	6.9	8.2	7.7
7	2123190081	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	04/12/2004	CCQ2319A	7.5	8.0	7.8
8	2123190065	Lê Thị	Háo	13/09/2005	CCQ2319B	0.0	0.0	0.0
9	2123190066	Trương Ngọc	Hậu	04/01/2005	CCQ2319B	7.0	7.8	7.5
10	2123190058	Lê Thị Thanh	Hiếu	11/07/2005	CCQ2319B	7.3	6.6	6.9
11	2123190005	Nguyễn Y	Hoàng	16/04/2002	CCQ2319A	7.3	6.2	6.6
12	2123100143	Trương Ngọc Minh	Hương	13/09/2005	CCQ2319A	8.3	9.0	8.7
13	2123190031	Ngô Khánh	Huyền	17/08/2005	CCQ2319A	8.5	7.4	7.8
14	2123190012	Hoàng Văn	Khoa	02/09/2004	CCQ2319A	6.5	6.8	6.7
15	2123190041	Võ Thị Ngọc	Kiều	21/05/2005	CCQ2319B	0.0	0.0	0.0
16	2123190015	Dương Thị Diệu	Linh	26/03/2005	CCQ2319A	7.8	6.2	6.8
17	2123190051	Huỳnh Thị Kim	Lộc	14/01/2005	CCQ2319B	8.4	6.2	7.1
18	2123190028	Nguyễn Văn	Mạnh	26/04/2005	CCQ2319A	5.5	6.8	6.3
19	2123190025	Thiên Nữ	Minh	10/09/2005	CCQ2319A	7.0	7.6	7.4
20	2123190021	Lê Thị Trà	My	26/01/2005	CCQ2319A	8.2	7.2	7.6
21	2123190053	Nguyễn Kiều	My	18/12/2005	CCQ2319B	6.7	7.4	7.1
22	2123190122	Đặng Thị	Nga	06/03/2001	CCQ2319A	0.0	0.0	0.0
23	2123190035	Võ Thị Thanh	Nga	16/03/2005	CCQ2319A	8.3	8.0	8.1
24	2123190113	Huỳnh Lâm Thanh	Ngân	27/06/2005	CCQ2319A	7.9	9.0	8.6
25	2123190120	Huỳnh Nguyễn Thảo	Ngân	20/10/2004	CCQ2319B	8.0	8.8	8.5
26	2123190064	Lê Hồng	Ngân	23/03/2005	CCQ2319B	6.8	6.2	6.4
27	2123190057	Nguyễn Thị Bích	Ngân	02/01/2005	CCQ2319B	6.6	6.0	6.2
28	2123190036	Phạm Thị Tuyết	Ngân	25/08/2005	CCQ2319B	8.0	6.2	6.9
29	2123190018	Ngô Nguyễn Hoàng	Nguyễn	11/09/2005	CCQ2319A	7.3	6.8	7.0
30	2123190029	Ngô Lê Uyên	Nhi	07/04/2005	CCQ2319A	7.2	6.0	6.5
31	2123190069	Phạm Yên	Nhi	02/12/2004	CCQ2319B	7.8	8.8	8.4
32	2123190033	Dương Thị Tuyết	Như	23/08/2006	CCQ2319A	7.3	6.8	7.0
33	2123190040	Lê Hoàng Yên	Như	25/06/2005	CCQ2319B	8.0	7.0	7.4

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm môn học/học phần
34	2123190119	Bùi Thị Hồng	Nhuận	29/12/2003	CCQ2319A	7.0	9.0	8.2
35	2123190042	Trần Thị Hồng	Nhung	28/09/2005	CCQ2319B	7.4	8.4	8.0
36	2123190062	Phạm Thị Ngọc	Nữ	16/12/2005	CCQ2319B	7.2	7.8	7.6
37	2123190043	Phạm Thị Mỹ	Phụng	02/10/2005	CCQ2319B	7.7	8.4	8.1
38	2123190032	Từ Nữ Bích	Phượng	10/10/2004	CCQ2319A	8.1	7.4	7.7
39	2123190067	Đỗ Hàn Uyên	Phượng	19/02/2004	CCQ2319B	7.6	7.8	7.7
40	2123190049	Lê Thị Long	Phượng	08/09/2005	CCQ2319B	8.9	7.4	8.0
41	2123190008	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	14/10/2004	CCQ2319A	7.3	7.8	7.6
42	2123190060	Bùi Thị Thảo	Sương	17/08/2005	CCQ2319B	9.3	8.4	8.8
43	2123190004	Trần Duy	Tân	25/09/2000	CCQ2319A	0.0	0.0	0.0
44	2123190109	Huỳnh Ngọc Anh	Thư	08/08/2005	CCQ2319A	0.0	0.0	0.0
45	2123190115	Nguyễn Lê Minh	Thư	24/05/2005	CCQ2319B	7.3	9.0	8.3
46	2123190112	Lê Thị	Thương	06/07/2005	CCQ2319B	6.8	6.2	6.4
47	2123190102	Nguyễn Hoài	Thương	23/05/2005	CCQ2319B	7.2	9.0	8.3
48	2123190037	Thanh Thị Thái	Thương	20/08/2005	CCQ2319B	8.0	8.0	8.0
49	2123190047	Đào Thị Thu	Thủy	03/07/2005	CCQ2319B	8.5	7.4	7.8
50	2123190111	Nguyễn Thanh	Thủy	06/11/2005	CCQ2319B	5.7	9.0	7.7
51	2123190114	Trần Thị Thanh	Thủy	09/12/2005	CCQ2319B	0.0	0.0	0.0
52	2123190023	Sư Thị Kim	Tiên	27/10/2005	CCQ2319A	7.9	6.6	7.1
53	2123190070	Lê Nguyễn Hương	Trà	15/01/2005	CCQ2319B	8.2	8.4	8.3
54	2123190024	Ngô Thị	Trà	19/11/2005	CCQ2319A	7.5	6.6	7.0
55	2123190039	Trịnh Thị Ngọc	Trâm	01/10/2005	CCQ2319B	7.0	7.8	7.5
56	2123190011	Trần Huyền	Trân	07/07/2004	CCQ2319A	7.5	6.6	7.0
57	2123190034	Phan Thị Huyền	Trang	08/09/2005	CCQ2319A	8.7	7.6	8.0
58	2123190017	Nguyễn Văn	Triển	15/01/2004	CCQ2319A	6.9	6.4	6.6
59	2123190050	Nguyễn Lê Anh	Trúc	30/12/2005	CCQ2319B	7.1	8.2	7.8
60	2123190016	Phạm Thanh	Trúc	07/01/2005	CCQ2319A	8.0	6.0	6.8
61	2123190063	Trần Minh	Trung	11/01/2005	CCQ2319B	8.1	7.2	7.6
62	2123190009	Nguyễn Lam	Trường	24/05/2005	CCQ2319A	7.4	6.2	6.7
63	2123190061	Bùi Thị Ngọc	Tú	04/07/2005	CCQ2319B	0.0	0.0	0.0
64	2123190019	Trịnh Thị Kim	Tuyền	05/09/2005	CCQ2319A	7.8	6.2	6.8
65	2123190026	Lâm Ngọc	Tuyền	06/12/2005	CCQ2319A	7.7	6.0	6.7
66	2123190046	Đặng Nữ Ngọc	Út	16/05/2005	CCQ2319B	7.6	8.2	8.0
67	2123190048	Đoàn Thị Thu	Vân	06/06/2005	CCQ2319B	7.6	9.0	8.4
68	2123190054	Nguyễn Thị Khánh	Vân	04/12/2005	CCQ2319B	8.2	7.6	7.8
69	2123190013	Nguyễn Thị Thảo	Vi	19/02/2005	CCQ2319A	7.4	6.8	7.0
70	2123190020	Vũ Ngọc Thảo	Vy	07/06/2005	CCQ2319A	7.8	7.0	7.3
71	2123190044	Huỳnh Thị Kim	Yên	05/01/2005	CCQ2319B	8.4	9.0	8.8

Tp. HCM , ngày 12 tháng 03 năm 2024